

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06/01/2023
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH K

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

* Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc Giàu**

* Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Tấn Đức**

2. Bà **Hồ Thị Hoa**

* Thư ký phiên tòa: Ông **Cao Vũ Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh K: Ông **Trần Văn Ý** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 181/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Anh **Trần Thanh S**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện A, tỉnh K.

* **Bị đơn**: Chị **Võ Thị D (Võ Thị Thúy D)**, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Ấp M, xã V, huyện A, tỉnh K.

(Anh S, chị D có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, các ý kiến và yêu cầu trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Thanh S trình bày:***

Vào năm 2020 anh có chung sống với chị Võ Thị Thúy D (không có đăng ký kết hôn). Trong quá trình chung sống vợ chồng không hòa hợp nhau về suy nghĩ và tính cách, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cự cãi. Tuy hai bên cũng cố gắng chịu đựng để xây dựng hạnh phúc nhưng qua thời gian chung sống được khoảng 01 năm thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị D bỏ đi từ năm 2021, đến ngày 30/3/2022 vợ chồng mới làm giấy thỏa thuận ly hôn. Xét thấy hiện nay vợ chồng không hàn gắn được nữa nên cả hai đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung Trần Thị Kiều N, sinh ngày 03/4/2021. Hiện do chị D nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh đồng ý tiếp tục giao con chung cho chị D nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 750.000 đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi và tự lao động được.

Về tài sản chung: Anh và chị D thỏa thuận, anh thối chia chị D 03 chỉ vàng 24Kt tương đương số tiền 15.000.000 đồng, mỗi tháng sẽ đưa chị D số tiền 2.000.000 đồng, thực hiện cho đến khi xong số tiền 15.000.000 đồng, bắt đầu thực hiện vào ngày 08/02/2023. Riêng kỳ cuối cùng sẽ đưa chị D số tiền 3.000.000 đồng là thực hiện xong nên đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của anh, chị.

Về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại biên bản ghi lời khai ngày 21 tháng 12 năm 2022 và các ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Võ Thị D (Võ Thị Thúy D) có ý kiến trình bày:***

Do quen biết chị qua mạng zalo và có tìm hiểu. Chị và anh S tiến tới hôn nhân vào năm 2020, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống có 01 con chung là Trần Thị Kiều N, sinh ngày 03/4/2021. Hiện do chị đang nuôi dưỡng. Về tài sản chung có 01 cây vàng 24Kt, do mẹ chồng cất giữ. Về nợ chung không có.

Nay anh S yêu cầu ly hôn với chị, chị đồng ý. Chị yêu cầu đồng ý tiếp tục nuôi con chung, đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con 750.000 đồng/tháng. Về tài sản chung: chị và anh S thống nhất thỏa thuận anh S thối chia cho chị 03 chỉ vàng 24Kt tương đương số tiền 15.000.000 đồng, mỗi tháng sẽ đưa chị số tiền 2.000.000 đồng, thực hiện cho đến khi xong số tiền 15.000.000 đồng, bắt đầu thực hiện vào ngày 08/02/2023. Riêng kỳ cuối cùng sẽ đưa chị số tiền 3.000.000 đồng là thực hiện xong nên đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của anh, chị.

Về nợ chung không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Anh S, chị D: Có đơn xin yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán,

Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thanh S và chị Võ Thị D (Võ Thị Thuý D) xác định xác lập quan hệ vợ chồng năm 2020, nhưng không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận anh Trần Thanh S và chị Võ Thị D (Võ Thị Thuý D) là vợ chồng. Anh S và chị D xác định có 01 con chung Trần Thị Kiều N, sinh ngày 03/4/2021. Anh, chị thống nhất thỏa thuận khi ly hôn, tiếp tục giao con chung là Trần Thị Kiều N, sinh ngày 03/4/2021 cho chị D nuôi dưỡng, anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 750.000đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi và tự lao động được nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của anh, chị. Về tài sản chung: anh S và chị D thống nhất thỏa thuận, anh S thối chia cho chị D 03 chỉ vàng 24Kr tương đương số tiền 15.000.000 đồng, mỗi tháng anh S đưa chị D số tiền 2.000.000 đồng, thực hiện cho đến khi xong số tiền 15.000.000 đồng, bắt đầu thực hiện vào ngày 08/02/2023. Riêng kỳ cuối cùng anh S đưa chị D số tiền 3.000.000 đồng là thực hiện xong; việc thỏa thuận của anh S và chị D là không trái quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của anh, chị. Về nợ chung: Anh Trần Thanh S và chị Võ Thị D xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Trần Thanh S và chị Võ Thị D có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh, chị trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Trần Thanh S và chị Võ Thị D thống nhất trình bày hai anh, chị tiến đến hôn nhân vào năm 2020, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau nên phát sinh mâu thuẫn. Nhận thấy cuộc hôn nhân anh, chị không tháo gỡ được nên yêu cầu xin ly hôn.

Căn cứ vào lời trình bày của các bên và kết quả của việc xác minh thu thập chứng cứ. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của anh S và chị D đã thật sự trầm trọng. Anh, chị cũng đã có thời gian ly thân khá lâu nhưng vẫn thể hàn gắn đoàn tụ. Nay anh S yêu cầu ly hôn với chị D, thì chị D cũng đồng ý. Do anh, chị có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn, nhưng không đi đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký theo quy định. Nay có tranh chấp xin ly hôn nên trường hợp này pháp luật quy định anh S và chị D không được công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-

VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Trần Thanh S và chị Võ Thị D xác định, thống nhất thỏa thuận khi ly hôn, tiếp tục giao con chung là Trần Thị Kiều N, sinh ngày 03/4/2021 cho chị Võ Thị D nuôi dưỡng. Anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N 750.000 đồng/tháng bắt đầu thực hiện từ tháng 01 năm 2023 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi và tự lao động được.

Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của anh S và chị D không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh S chậm thi hành đối với phần tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

[4] Về tài sản chung: Anh S và chị D thống nhất thỏa thuận, anh S thôi chia cho chị D 03 chỉ vàng 24Kt tương đương số tiền 15.000.000 đồng, mỗi tháng anh S đưa chị D số tiền 2.000.000 đồng, thực hiện cho đến khi xong số tiền 15.000.000 đồng, bắt đầu thực hiện vào ngày 08/02/2023. Riêng kỳ cuối cùng anh S đưa chị D số tiền 3.000.000 đồng là thực hiện xong; việc thỏa thuận của anh S và chị D là không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của anh, chị.

[5] Về nợ chung: Anh Trần Thanh S và chị Võ Thị D xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Trần Thanh S và chị Võ Thị D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với việc phân chia tài sản chung theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của Vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 14, 15, 51, 53, 58, 81, 82, 83, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Các Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Trần Thanh S và chị Võ Thị D là vợ chồng.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung là Trần Thị Kiều N, sinh ngày 03/4/2021 cho chị Võ Thị D nuôi dưỡng. Anh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N 750.000 đồng/tháng bắt đầu thực hiện từ tháng 01 năm 2023 cho đến khi cháu N tròn 18 tuổi và tự lao động được.

Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh S chậm thi hành đối với phần tiền cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu thêm tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó;

3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của Anh Trần Thanh S và chị Võ Thị D: anh S có trách nhiệm thối chia cho chị Võ Thị D 03 chỉ vàng 24Kr tương đương số tiền 15.000.000 đồng, hàng tháng thực hiện đưa chị D số tiền 2.000.000 đồng cho đến khi thực hiện xong số tiền 15.000.000 đồng, bắt đầu thực

hiện vào ngày 08/02/2023. Riêng kỳ cuối cùng sẽ đưa chị D số tiền 3.000.000 đồng là thực hiện xong.

4. Về nợ chung: Anh S và chị D xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Anh S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh S đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000949 ngày 20 tháng 10 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện A nên được cản trừ. Như vậy anh S nộp thêm số tiền án phí 150.000 đồng là thực hiện xong.

6. Anh Trần Thanh S, chị Võ Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh K xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND nơi ĐKKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN KIM NGỌC GIÀU

